

Bản án số: **545/2026/DS-PT**

Ngày: 24-6-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Đinh Chí Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Bà Phan Thị Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/5/2026 và ngày 24/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 254/2026/TLPT-DS ngày 16/4/2026, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 976/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Vinh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1997 (có mặt); Địa chỉ: Số B, KDC X, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/3/2026).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phan Thị Bé T1 - Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (có mặt); Địa chỉ: Số C, khóm H, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Lê Văn C, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn C: Ông Lê Văn V, sinh năm 1972 (có mặt); Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền ngày 20/5/2026).

2.2. Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng:

3.1. Văn Hoàng M, sinh năm 1965 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phạm Thị M1, sinh năm 1964 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: A N, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Vinh T trình bày: Do là bạn bè quen biết nên ngày 11/01/2025 ông T có cho ông Lê Văn C vay số tiền 325.000.000 đồng, có lập biên nhận vay tiền. Ông T đã giao số tiền 325.000.000 đồng cho ông C nhận xong một lần bằng tiền mặt tại quán cà phê Công ty D, khi giao nhận tiền vay chỉ có ông T và ông C, ngoài ra không có ai khác chứng kiến. Theo thỏa thuận ông C vay tiền mục đích để nhận chuyển nhượng thửa đất 300, tờ bản đồ số 9, diện tích 765,6m² tọa lạc tại xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Về thời hạn vay thỏa thuận là 6 tháng (từ ngày 11/01/2025 đến ngày 11/7/2025), lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Khi vay ông C nói khi nhận chuyển nhượng đất sẽ nhờ ông Nguyễn Ngọc B đứng tên dùm để ông B đứng ra vay tiền Ngân hàng cho dễ, phía ông B cũng đồng ý nên sau đó ông B đã xác nhận và cùng ký tên vào biên nhận ngày 11/01/2025. Ông C nói khi thủ tục giấy tờ sang tên cho ông B xong sẽ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất cho ông T giữ coi như thế chấp cho ông T để đảm bảo, do thời hạn vay ngắn nên không làm thủ tục đăng ký thế chấp.

Ngày 10/02/2025 ông B được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V xác nhận cho ông B đứng tên thửa 300 do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh T2, sau đó ông C, ông B đã giao giấy chứng nhận QSD đất bản chính cho ông T giữ để đảm bảo theo thỏa thuận. Tuy nhiên, khi đến thời hạn 6 tháng trả tiền nhưng ông C không thực hiện trả cho ông T theo thỏa thuận, về tiền lãi từ lúc vay đến nay ông C cũng không có đóng lãi lần nào cho ông T.

Đối với thửa đất 300 ông B đứng tên, sau đó do có phát sinh tranh chấp với chủ cũ (ông Nguyễn Thanh T2 và bà Văn Thị Ánh N), nên Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long đã xét xử tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa chủ cũ với ông B, công nhận QSD đất thửa 300 cho chủ cũ và tuyên chủ cũ trả lại cho ông B số tiền tổng cộng 385.852.333 đồng, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật đưa ra thi hành.

Nay ông Nguyễn Vinh T yêu cầu ông Lê Văn C và ông Nguyễn Ngọc B liên đới trả cho ông T số tiền vay 325.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/01/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong.

Nguyên đơn không có yêu cầu gì liên quan đến thửa đất 300. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông C với ông T, ông B có mối quan hệ quen biết nhau qua uống cà phê. Ông C không thừa nhận có vay của ông T số tiền 325.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/01/2025 mà chỉ thừa nhận có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng ngày 21/3/2025 để làm thủ tục vay Ngân hàng, khi vay ông T có đưa cho ông C mẫu Biên nhận vay tiền chưa điền nội dung, khi đó ông T nói ông C ký và lấn tay vào biên nhận ông T sẽ điền nội dung sau, do tin tưởng nên ông C đồng ý.

Đối với biên nhận vay số tiền 325.000.000 đồng ngày 11/01/2025 mà ông T giao nộp ông C thừa nhận đúng là biên nhận để trống nội dung mà trước đó ông C đã ký và lấn tay, khi ông T điền nội dung vô biên nhận không có nói cho ông C biết, đến ngày 28/8/2025 tại quán C1 (S) ông T có đưa cho ông C xem biên nhận đã điền tên họ của ông C vào bên vay, điền ngày tháng năm là 11/01/2025 và điền số tiền vay 325.000.000 đồng đã có chữ ký và lấn tay của ông C ký trước đó và nói ông C ký xác nhận thêm nhưng ông C không đồng ý ký nữa vì không có nhận số tiền 325.000.000 đồng của ông T. Ông C cũng không thừa nhận việc ông T nói ông C vay tiền để nhận chuyển nhượng đất ở Vĩnh Long rồi nhờ ông B đứng tên dùm.

Về số tiền ông C vay 20.000.000 đồng của ông T ngày 21/3/2025 thì ông C đã trả xong bằng chuyển khoản từ tài khoản của ông C mở tại Ngân hàng T3 (chuyển 10.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi: chuyển mượn chạy giấy Ngân hàng) và V1 (chuyển 20.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản ghi: chuyển trả đủ tiền mượn giấy Ngân hàng) qua tài khoản của ông T mở tại Ngân hàng M3.

Ông C không có tranh chấp gì với ông B, cũng không tranh chấp gì đối với số tiền 385.852.333 đồng mà ông B được tuyên trả trong vụ án ở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long theo bản án số 191 ngày 29/9/2025, theo ông C số tiền này ông B nhận sẽ đưa lại hết toàn bộ cho ông T nhận coi như thỏa thuận xong tranh chấp. Nay ông C không đồng ý trả số tiền 325.000.000 đồng và lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Ngoài ra, ông C không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc B trình bày: ông B với ông T, ông C quen biết nhau qua làm ăn. Ông B hoàn toàn không có liên quan gì về tiền bạc với ông T mà việc giao dịch tiền bạc chỉ giữa ông T với ông C. Ông B thừa nhận biên nhận vay tiền ngày 11/01/2025 có nội dung “xác nhận nội dung trên là đúng sự thật, Sa Đéc ngày 23/9/2025” là do ông B ký và viết ra. Thửa đất 300 là ông B đứng

tên dùm cho ông C mục đích để vay tiền Ngân hàng và ông B sẽ nhận hoa hồng 0,3% trên số tiền vay được từ Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó không vay được tiền Ngân hàng do ông T2 (chủ đất cũ) có tranh chấp ở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long và Tòa án xét xử vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng, trong vụ án đó ông B tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án đã tuyên buộc ông T2, bà N, bà M1 trả cho ông B số tiền tổng cộng 385.852.333 đồng, hiện chưa được thi hành án. Theo ông B toàn bộ số tiền này (385.852.333 đồng) khi ông B được thi hành án sẽ đưa lại cho ông T coi như hết tranh chấp giữa các bên.

Do đó, ông B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, ông B không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Vinh T.

- Buộc ông Lê Văn C và ông Nguyễn Ngọc B liên đới trả cho ông Nguyễn Vinh T số tiền vốn 325.000.000 đồng và lãi 33.988.500 đồng, tổng cộng vốn, lãi 358.988.500 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2026 bị đơn ông Lê Văn C nộp đơn kháng cáo đề ngày 10/02/2026 để kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị đơn ông Lê Văn C ủy quyền cho ông Lê Văn V đại diện trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn C về việc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại. Bởi các lý do như: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm trong việc lấy lời khai, đối chất giữa đại diện nguyên đơn với bị đơn theo quy định tại Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự, lẽ ra đối chất được thực hiện giữa các đương sự với nhau, không phải giữa người đại diện theo ủy quyền với đương sự; bỏ sót người liên quan tham gia trong vụ án như ông Văn Hoàng M, bà Phạm Thị M1, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T2, bà Văn Thị Thanh N1 là chủ tài sản liên quan trực tiếp giao dịch vay mượn tiền trong vụ án là vi phạm các Điều

68, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Văn Hoàng M tham gia phiên tòa nhằm mục đích làm rõ hai nội dung: Thứ nhất, xác định ông M có góp vốn trong số tiền 325.000.000 đồng hay không?; thứ hai, ông Minh xác N2 rằng việc ông T cho ông C vay số tiền 325.000.000 đồng và giao tiền mặt tại quán cà phê Công ty D là không xảy ra, vì theo ông M thì ông T đã giao tiền cho ông M tại quán cà phê N3, gần Văn phòng C2, để thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Thanh T2, bà Văn Thị Ánh N sang bà Phan Thị M2. Ngoài ra, số tiền giao dịch thực tế là 300.000.000 đồng, chứ không phải là 325.000.000 đồng. Sau khi ông T ghi số tiền 325.000.000 đồng vào biên nhận thì ông M không đồng ý. Bà M2 là người trực tiếp nhận tiền, việc giao nhận tiền được thực hiện 02 lần, tổng số tiền khoảng 300.000.000 đồng, việc này bà M2 cũng có văn bản xác nhận gửi Hội đồng xét xử. Vụ án này không đơn thuần chỉ là quan hệ vay tài sản giữa ông C và ông T mà còn liên quan đến quyền lợi của nhiều người, trong đó có ông M bị ảnh hưởng quyền lợi số tiền 60.000.000 đồng. Ông M đã đề nghị được tham gia tố tụng, nếu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm thì đề nghị đưa ông M tham gia vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; mặt khác theo Điều 463 Bộ luật Dân sự, hợp đồng vay tài sản thể hiện việc bên cho vay giao tài sản cho bên vay, nên ông T phải có nghĩa vụ chứng minh việc đã giao tiền cho ông C, không thể chuyển nghĩa vụ chứng minh sang cho ông C.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Khu vực T - Đồng Tháp để giải quyết lại theo quy định.

- Luật sư Phan Thị Bé T1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Vinh T trình bày: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là Biên nhận vay tiền ngày 11/01/2025 có chữ ký, dấu lấn tay của ông C. Ông C cho rằng chỉ ký vào giấy trắng, không có nội dung nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Sau thời điểm ký biên nhận, trong thời gian dài ông C không có ý kiến phản đối, khiếu nại hoặc yêu cầu giải quyết về việc này. Đối với ông B, thừa nhận có trực tiếp ký xác nhận vào biên nhận, biết nội dung giao dịch, đứng tên giúp ông C nhận chuyển nhượng thửa đất số 300 và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T giữ. Ông B cũng không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Như vậy, có đủ căn cứ xác định giữa ông C và ông T có xác lập giao dịch vay tài sản. Vụ án này chỉ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông C và ông T, không liên quan đến các giao dịch khác. Việc đưa thêm người tham gia tố tụng là không cần thiết. Việc ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là không có căn cứ.

Vì vậy, căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Vinh Thành ủy Q cho chị Nguyễn Ngọc H đại diện trình bày: Thống nhất với ý kiến của Luật sư. Chị H xin bổ sung việc người đại diện theo ủy quyền của ông C cho rằng cần hủy bản án sơ thẩm do không thực hiện đối chất giữa các đương sự. Tuy nhiên, việc ủy quyền của ông T cho người đại diện là ủy quyền toàn quyền quyết định trong phạm vi vụ án, nên việc đối chất giữa người đại diện và đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 930/PB-VKS-DS ngày 24/6/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực T - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Lê Văn C không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc ông C kháng cáo vào ngày 12/02/2026 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị M1 vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn ông Nguyễn Ngọc B vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Vinh T cho rằng ông có cho ông Lê Văn C vay số tiền 325.000.000 đồng; ông C có ký biên nhận vay tiền

ngày 11/01/2025; mục đích ông C vay tiền để nhận chuyển nhượng đất; thời hạn vay các bên thỏa thuận là 6 tháng (từ ngày 11/01/2025 đến ngày 11/7/2025); lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Khi vay ông C nói sẽ nhờ ông Nguyễn Ngọc B đứng tên dùm khi nhận chuyển nhượng đất để ông B đứng ra vay tiền Ngân hàng cho dễ, phía ông B cũng đồng ý nên sau đó ông B đã xác nhận và cùng ký tên vào biên nhận ngày 11/01/2025. Ông T yêu cầu ông C và ông B liên đới trả cho ông T số tiền vay 325.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/01/2025 đến khi Tòa án giải quyết xong.

Bị đơn ông Lê Văn C cho rằng ông không có vay của ông T số tiền 325.000.000 đồng theo biên nhận ngày 11/01/2025 mà chỉ có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng ngày 21/3/2025 để làm thủ tục vay Ngân hàng, khi vay ông T có đưa cho ông C mẫu Biên nhận vay tiền chưa điền nội dung, khi đó ông T nói ông C ký và lặn tay vào biên nhận ông T sẽ điền nội dung sau, do tin tưởng nên ông C đồng ý. Về số tiền ông C vay 20.000.000 đồng của ông T ngày 21/3/2025 thì ông C đã trả xong bằng việc chuyển khoản cho ông T, nên không thống nhất theo khởi kiện của ông T. Còn bị đơn ông Nguyễn Ngọc B cho rằng ông không liên quan đến việc giao dịch vay tiền giữa ông T với ông C; ông B thừa nhận ông có ký xác nhận vào biên nhận vay tiền ngày 11/01/2025 có nội dung “xác nhận nội dung trên là đúng sự thật, Sa Đéc ngày 23/9/2025”; thửa đất 300 là ông B đứng tên dùm cho ông C mục đích để vay tiền Ngân hàng để được hưởng hoa hồng nhưng sau đó có tranh chấp đất nên không vay được tiền Ngân hàng. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Ông Lê Văn C thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên “Lê Văn C” và dấu lặn tay tại vị trí phía dưới cùng mặt trước của biên nhận ngày 11/01/2025 và chữ ký tên, chữ viết họ tên “Lê Văn C” và dấu lặn tay tại vị trí Bên B (bên vay) phía dưới cùng mặt sau của biên nhận cùng dòng chữ “Tôi đã đọc và hiểu rõ và đồng ý” là do ông C tự viết và lặn tay vào biên nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C cho rằng có dùng điện thoại chụp lại biên nhận ngày 11/01/2025 sau khi ông ký tên vào biên nhận và đưa cho ông T; theo hình ảnh biên nhận ngày 11/01/2025 ông C đã chụp được in ra, đối chiếu với bản gốc biên nhận ngày 11/01/2025 do ông T cung cấp thì bản gốc biên nhận chỉ bổ sung thêm thông tin về ngày sinh, CCCD, HKTT của ông C và nội dung xác nhận của ông B ngày 23/9/2025, còn các nội dung khác của biên nhận là không thay đổi, trong đó có thể hiện nội dung ông C đã vay của ông T số tiền 325.000.000 đồng.

- Việc ông C cho rằng ông ký tên và lặn tay vào biên nhận để trống, cũng như chỉ thừa nhận có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có cơ sở, mặt khác việc này cũng không được sự thống nhất của ông T. Ngoài ra, số tiền 20.000.000 đồng ông C thừa nhận vay ông T vào ngày 21/3/2025, trong khi số

tiền 325.000.000 đồng ông T tranh chấp theo biên nhận ngày 11/01/2025, đây là hai giao dịch khác nhau.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ liên đới cùng ông C trả nợ. Xét thấy, mặc dù trong biên nhận vay tiền ngày 11/01/2025 ông B không phải là bên vay tiền, nhưng ông B thừa nhận do quen biết nên đồng ý đứng tên dùng quyền sử dụng đất cho ông C để hưởng hoa hồng khi vay tiền Ngân hàng, trong khi nguồn gốc tiền chuyển nhượng đất là do ông C vay của ông T. Do đó, trong biên nhận vay tiền ngày 11/01/2025 ông B có viết “xác nhận nội dung trên là đúng sự thật, Sa Đéc ngày 23/9/2025”. Thực tế sau khi ông C vay được tiền của ông T thì ông B ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 300 của ông Nguyễn Thanh T2, do có phát sinh tranh chấp đã được Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Vĩnh Long xét xử theo bản án dân sự sơ thẩm số 191/2025/DSST ngày 29/9/2025 tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng và tuyên ông B được nhận lại số tiền tổng cộng 385.852.333 đồng (bản án đã có hiệu lực pháp luật), ngoài ra ông B xác định không phải tiền của ông B mà là tiền của ông T, khi ông B được thi hành án đồng ý giao lại hết cho ông T nhận, nội dung này ông C cũng không phản đối mà đồng ý theo ý kiến ông B và ông C không có tranh chấp số tiền này. Do đó, có cơ sở xác định giữa ông T và ông C có xác lập giao dịch dân sự về việc vay tiền, bên cho vay là ông T, bên vay là ông C đối với số tiền vay là 325.000.000 đồng, mục đích vay để ông C lấy tiền chuyển nhượng đất ở tỉnh Vĩnh Long, cho đến nay ông C chưa thanh toán cho ông T số tiền này.

- Đối với trình bày của ông Văn Hoàng M cho rằng có đưa cho ông T số tiền 60.000.000 đồng, còn ông T đưa số tiền 240.000.000 đồng, tổng cộng 300.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng QSD đất, ông M không trực tiếp chứng kiến việc các bên ký biên nhận ngày 11/01/2025. Xét trình bày của ông M không đủ căn cứ chứng minh ông có liên quan đến quan hệ vay tiền giữa ông T với ông C, ông B trong vụ án này, nên Tòa án sơ thẩm không đưa ông và những người khác như bị đơn trình bày để tham gia tố tụng là có cơ sở, không xem là vi phạm nghiêm trọng tố tụng để hủy án. Trường hợp các bên có tranh chấp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền 325.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 33.988.500 đồng, xét là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Từ cơ sở trên, cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn C và ông Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Vinh T số tiền vốn 325.000.000 đồng và lãi 33.988.500 đồng, tổng cộng vốn, lãi 358.988.500 đồng là có căn cứ. Việc ông C cho rằng Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cũng như vi phạm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ giải quyết vụ

án nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, tuy nhiên ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của ông C là không đủ căn cứ, đồng thời bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên kháng cáo của ông C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của ông Lê Văn C không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn C;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2026/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực T - Đồng Tháp.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Lê Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002778, ngày 25/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GDKTTT&THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực T - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực T - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Danh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi